

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)

HỘI SỞ:

Địa chỉ : 34B - Hàn Thuyên
Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3944 5474
Fax : (84-4) 3944 5475
Email : report@nsi.vn
Website : <http://www.nsi.com.vn>

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 168 - Nguyễn Công Trứ
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 3821 7304
Fax : (84-8) 3821 7305

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)

HỘI SỞ:

Địa chỉ : 34B - Hàn Thuyên
Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3944 5474
Fax : (84-4) 3944 5475
Email : report@nsi.vn
Website : <http://www.nsi.com.vn>

CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 168 - Nguyễn Công Trứ
Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 3821 7304
Fax : (84-8) 3821 7305

I. THÔNG TIN CHUNG.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.
- Vốn điều lệ: 170.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 170.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 34B - Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại: (84-4) 3944 5474
- Số fax: (84-4) 3944 5475
- Website: <http://www.nsi.vn>

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1 Giấy phép kinh doanh:

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Giấy phép điều chỉnh nghiệp vụ kinh doanh số 196/UBCK-GP ngày 05/3/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép điều chỉnh thay đổi người đại diện theo pháp luật số 89/GPĐC-UBCK ngày 31/5/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép thay đổi địa điểm trụ sở chính số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/7/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ Công ty số: 29/GPĐC-UBCK ngày 17/6/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
- Giấy phép điều chỉnh số: 23/GPĐC-UBCK ngày 18/9/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty

2.2 Các mốc lịch sử quan trọng.

Mốc thời gian	Sự kiện
11/12/2006	Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng
15/12/2006	Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD với ngành nghề kinh doanh Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán
25/12/2006	Công ty được cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 32/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký chứng khoán cấp
29/12/2006	Công ty trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
12/01/2007	Công ty trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
27/7/2007	Quyết định số 441/QĐ/UBCK về việc lập Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh
23/8/2007	Quyết định số 480/QĐ-UBCK về việc chấp thuận lập Phòng Giao dịch số 18 - Đoàn Trần Nghiệp, phường Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.
19/7/2011	Công ty được chấp thuận đăng ký cung cấp dịch chứng khoán trực tuyến

09/01/2012	Quyết định bổ nhiệm bà Bùi Thị Việt Hà làm Tổng Giám đốc Công ty
24/4/2012	Quyết định số 392/QĐ-UBCK về việc chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần từ 10% Vốn điều lệ của Công ty
31/5/2012	Quyết định số 89/GPĐC-UBCK về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty
04/7/2012	Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính Công ty về số 34B - Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hồ, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
18/7/2012	Đóng cửa Phòng Giao dịch số 18 - Đoàn Trần Nghiệp, phường Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.
31/10/2012	Quyết định số 903/QĐ-UBCK về việc thay đổi người đứng đầu Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh
13/11/2012	Quyết định số 936/QĐ-UBCK về việc thay đổi địa điểm Chi nhánh Công ty tại TP.Hồ Chí Minh về địa chỉ số 168 - Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
17/6/2013	Quyết định số: 29/GPĐC-UBCK ngày 17/6/2013 về việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty (tăng vốn điều lệ Công ty lên 170.000.000.000 đồng).
15/5/2014,	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty: Bà Bùi Thị Việt Hà giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty thay cho ông Nguyễn Quang Vinh (Căn cứ Nghị quyết số: 11/2014/HĐQT-NQ ngày 15/5/2014)
17/6/2014	Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
05/9/2014	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty (ông Nguyễn Hải Dương giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty (theo Nghị quyết số: 45/2014/HĐQT-NQ của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 05/9/2014)
18/9/2014	Giấy phép điều chỉnh số: 23/GPĐC-UBCK ngày 18/9/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
19/11/2014	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với bà Bùi Thị Việt Hà.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

3.1 *Nghiệp vụ kinh doanh:*

- Môi giới Chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

3.2 *Địa bàn kinh doanh:*

Hiện nay Công ty có trụ sở tại Hà nội và có Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

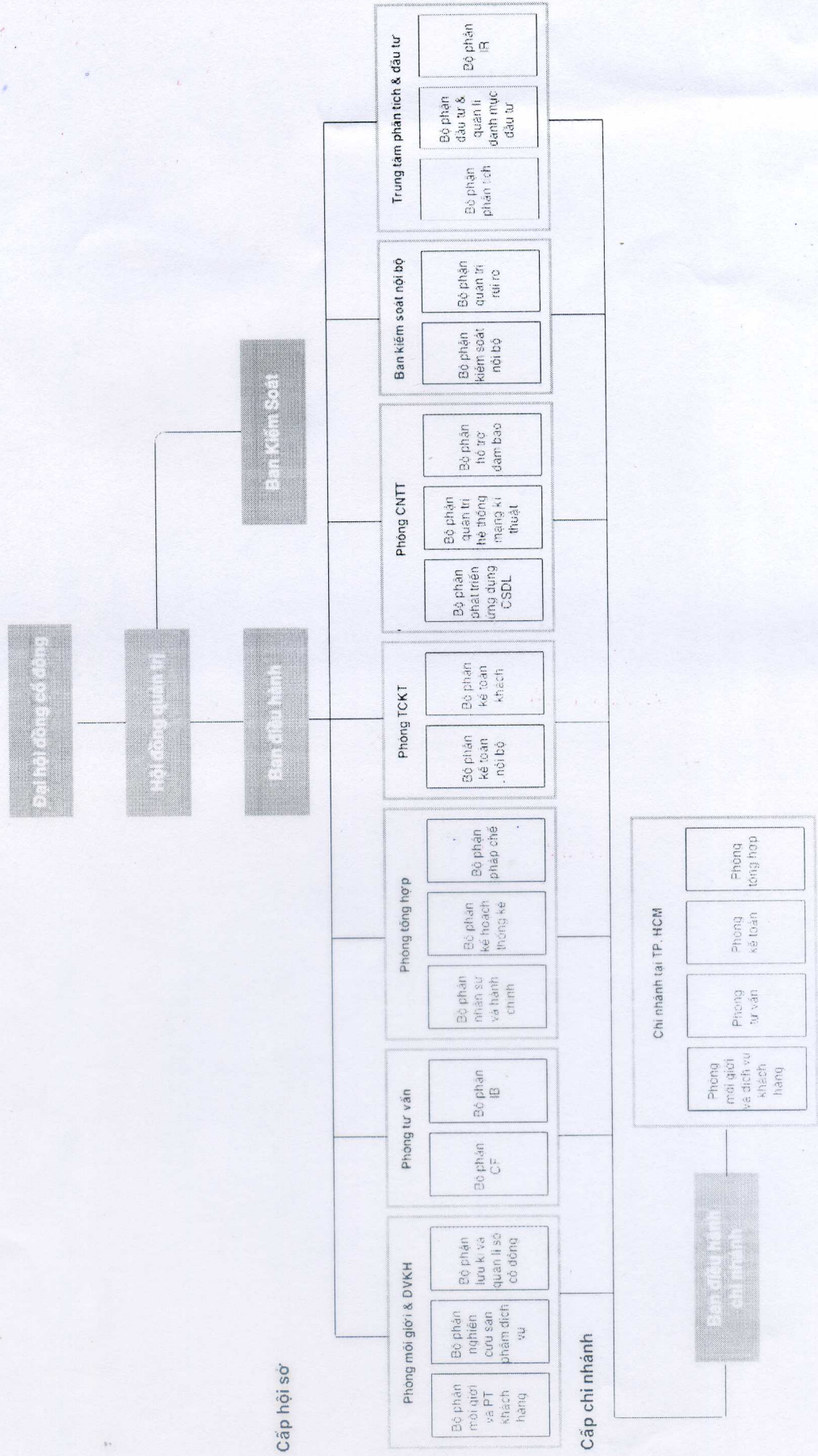
4.1 *Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý.*

- Mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia bao gồm: 1) Đại hội đồng cổ đông, 2) Hội đồng Quản trị, 3) Ban Kiểm soát, 4) Ban Tổng Giám đốc và 5) Các Phòng/ban chức năng, các Chi nhánh trực thuộc Công ty.

- Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân cấp, quản lý theo chức năng công việc và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền; các Trưởng phòng/ban trực tiếp giải quyết công việc của Phòng/ban đó.
- Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và đảm bảo hiệu quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

CƠ CẤU TỔ CHỨC - CÔNG TY CP CHỨNG KHOAN QUỐC GIA
Đến cuối năm 2014



4.3 Các công ty con, công ty liên kết:

Tính đến 31/12/2014, Công ty chưa thực hiện việc liên kết hay thành lập công ty con nào khác.

5. Định hướng phát triển:

Để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2014, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia phát triển theo định hướng nâng cao năng lực tài chính, gia tăng đầy đủ các dịch vụ của công ty chứng khoán. Bên cạnh đó tiếp tục phát huy sức mạnh về con người và đặc biệt là đổi mới công nghệ thông tin, hướng tới mục tiêu đưa Công ty trở thành sự lựa chọn đáng tin cậy của các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong, ngoài nước.

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty sẽ kết hợp việc đầu tư ngắn hạn để tìm kiếm lợi nhuận với việc thực hiện cơ cấu danh mục đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư có mức sinh lợi kỳ vọng tốt, bền vững, thanh khoản cao và giảm thiểu rủi ro biến động quá lớn theo thị trường niêm yết, thực hiện các kênh đầu tư khác mà pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép;
- Triển khai đồng bộ và mạnh mẽ các giải pháp để tạo sự đột phá của hoạt động môi giới trên cơ sở phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp tục tận dụng những ứng dụng công nghệ để hoàn thiện gia tăng các tiện ích, phát triển các sản phẩm mới và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng cũ và thu hút thêm khách hàng mới;
- Phát triển mạnh mẽ hoạt động tư vấn;
- Gia tăng giá trị của Công ty, tối đa hóa và đem lại các lợi ích thiết thực nhất cho các cổ đông;
- Nâng cao năng lực, đặc biệt là năng lực tài chính, đảm bảo khả năng triển khai các nghiệp vụ kinh doanh với quy mô và độ phức tạp cao;
- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro, ngăn chặn kịp thời các khoản nợ xấu, nợ khó đòi;
- Xây dựng mô hình tổ chức phù hợp, năng động, gắn liền với hiệu quả kinh doanh;
- Tiếp tục chú trọng phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin cho các hoạt động để nâng cao năng suất lao động và giảm thiểu các rủi ro.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Công ty phấn đấu từng bước nâng cao thị phần môi giới trên thị trường chứng khoán, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt nhất, mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan với tiêu chí lấy khách hàng làm trọng tâm. Bên cạnh đó NSI xác định tôn chỉ hoạt động với lợi ích của khách hàng là cao nhất, mục tiêu đề cao là kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất.
- Phát triển thành Công ty Chứng khoán cung cấp đa dịch vụ ở Việt Nam.
- Liên kết và khai thác tốt khả năng bán chéo sản phẩm và cung cấp dịch vụ với các đối tác thân thiết của Công ty nhằm phát huy lợi thế về vốn, hệ thống dữ liệu khách hàng.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

NSI hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật nói chung và quy định của thị trường chứng khoán, tài chính nói riêng. Trong tương lai NSI phấn đấu đạt lợi nhuận cao và sẽ trích một phần lợi nhuận đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng, xã hội.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro hoạt động.

a) Mô tả rủi ro hoạt động của công ty

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc do thiếu vốn kinh doanh, đó các nguyên nhân

khách quan khác.

b) Mô tả biện pháp quản trị rủi ro hoạt động của công ty

- Để kiểm soát hoạt động, yêu cầu tất cả các Cán bộ công nhân viên của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia tuân thủ đúng các quy trình nghiệp vụ hiện hành; Trưởng các khối nghiệp vụ thực hiện kiểm soát tại khối mình phụ trách để hạn chế rủi ro.
- Toàn thể nhân viên Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia thường xuyên cập nhật thông tin, học hỏi và nâng cao kỹ năng nghiệp vụ để đảm bảo hạn chế các rủi ro hoạt động của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.
- Rủi ro hoạt động được Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia được đánh giá trên hệ thống kiểm soát nội bộ và đo lường trên hai phương diện: khả năng xảy ra, mức độ ảnh hưởng của rủi ro
- Ban Kiểm soát nội bộ kiểm tra các hoạt động hàng ngày và định kỳ kiểm tra giao dịch/ hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ để kiểm tra tính tuân thủ đối với các quy trình, quy chế, đồng thời kiểm tra tính hiệu quả của quy trình/ quy chế hiện hành để cập nhật quy trình/ quy chế nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động cho công ty.

6.2 Rủi ro về pháp luật.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia phải tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam như: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Luật thuế và các văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán... Tuy nhiên, hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi, chưa đồng bộ và chưa hòa nhập với hệ thống luật cũng như thông lệ quốc tế. Với hệ thống luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp thời sự thay đổi của các chính sách, của hệ thống pháp luật thì có thể sẽ gây nhiều ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Để kiểm soát rủi ro về mặt pháp luật, Công ty luôn phải cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp để định hướng hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

6.3 Rủi ro đặc thù.

Rủi ro về cạnh tranh: Sự ra đời và bùng nổ của thị trường chứng khoán vào năm 2006 đã dẫn đến tình trạng hiện nay của thị trường chứng khoán là có quá nhiều công ty chứng khoán trong khi đó lượng khách hàng giao dịch thì ít. Công ty đã phải nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, đưa ra các chính sách môi giới để giữ khách hàng và tìm kiếm khách hàng mới.

6.4 Rủi ro thị trường

a) Mô tả rủi ro thị trường của công ty

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Biểu hiện của nó chính là sự biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cả trên thị trường, chỉ số giá cổ phiếu, sự ảnh hưởng của nền kinh tế...

b) Các công cụ tài chính nào chịu rủi ro thị trường: Không

c) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro thị trường của công ty

Liên tục theo dõi diễn biến của thị trường về nền kinh tế, tỷ giá....

d) Mô tả biện pháp quản trị rủi ro thị trường của công ty

Rủi ro thị trường được quản lý thông qua việc xác lập và kiểm soát các hạn mức rủi ro. Tổng hạn mức của các loại rủi ro tín dụng, thị trường và hoạt động tạo thành mức chấp nhận rủi ro của Công ty, theo đó, hạn mức VAR cho rủi ro thị trường có thể được xác định theo phương pháp từ dưới lên hoặc từ trên xuống.

- Phương pháp từ dưới lên: Trên cơ sở số liệu VAR thống kê trong quá khứ, kế hoạch kinh doanh trong kỳ, diễn biến thị trường trong quá khứ và dự đoán trong tương lai, bộ phận

quản trị rủi ro thị trường đề xuất hạn mức VAR cho từng loại hình rủi ro. Cộng tổng các hạn mức VAR này sẽ ra hạn mức VAR cho rủi ro thị trường. Bằng phương pháp tương tự, sẽ xác lập được hạn mức rủi ro tín dụng và hoạt động. Sau khi đã có hạn mức của 3 loại rủi ro này, cộng tổng lại sẽ ra mức chấp nhận rủi ro của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.

Phương pháp từ trên xuống: Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức chấp nhận rủi ro của Công ty. Trên cơ sở mức chấp nhận rủi ro đã được phê duyệt, sẽ tiến hành phân bổ hạn mức cho 3 loại: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp. Sau khi có hạn mức cho rủi ro thị trường, bộ phận quản trị rủi ro thị trường sẽ thực hiện phân bổ cho từng loại rủi ro thị trường của từng sở căn cứ trên số liệu thống kê, kế hoạch kinh doanh và phân tích diễn biến thị trường.

6.5 Rủi ro thanh toán

a) Mô tả rủi ro thanh toán của công ty

Rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro thanh toán này sinh khi Công ty thực hiện các giao dịch đầu tư tự doanh và Repo (Trên thực tế NSI chưa có nghiệp vụ này). Trong thanh toán, cũng nảy sinh rủi ro tín dụng, nó phụ thuộc vào uy tín tín dụng (credit rating) của đối tác mà Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có giao dịch.

b) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro và quản trị rủi ro thanh toán của công ty

Rủi ro thanh toán được đo lường trên các phương tiện: khả năng trả nợ của đối tác, tỷ lệ thu hồi nợ/ tổng công nợ; mức độ rủi ro và phân tích từng tình huống cụ thể.

Ban Kiểm soát nội bộ và phòng Kế toán xây dựng hạn mức tín dụng, hạn mức mở trong thanh toán đối với từng đối tác có giao dịch với Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia để trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Việc xây dựng hạn mức sẽ chi tiết đến từng đối tượng khách hàng qua đó ban Tổng Giám Đốc sẽ phân loại khách hàng phù hợp với từng thời kỳ để xác định uy tín tín dụng cho từng nhóm khách hàng trong mỗi giai đoạn.

Đo lường rủi ro thanh toán chuẩn xác sẽ giúp cho Công ty CP Chứng khoán Quốc gia chủ động trước những cảnh báo có thể xảy ra.

6.6 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Phòng tài chính Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có trách nhiệm quản lý dòng tiền theo thời gian đến hạn để đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia.

b) Mô tả phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro; quản trị rủi ro thanh khoản của công ty Công cụ quản lý thanh khoản là dùng phân tích đến hạn của các dòng tiền vào (inflow) và dòng tiền ra (outflow) của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia theo kỳ hạn.

Dựa vào hệ số tài chính như hệ số thanh toán hiện hành, hệ số thanh toán nhanh... và khung thời gian đáo hạn

Báo cáo về dòng tiền được Khối kế toán phụ trách và quản lý hàng ngày để đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia

Để đo lường được rủi ro thanh khoản Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia còn dựa vào mức độ đa dạng hóa các loại tài sản và công nợ; khả năng thanh lý tài sản...

Trên hạn mức rủi ro thanh khoản đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt, Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia có thể so sánh được trạng thái rủi ro thanh khoản hiện tại.

Rủi ro thanh khoản được Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia đo lường định kỳ và thường xuyên.

6.7. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như: động đất, chiến tranh... đều có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ngành cũng như hoạt động của công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể ảnh hưởng đến Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Kinh tế năm 2014 vẫn còn nhiều khó khăn, tuy nhiên ban điều hành Công ty đã nỗ lực rất nhiều để đưa hoạt động kinh doanh của Công ty có lợi nhuận. Kết thúc năm 2014 Công ty đạt lợi nhuận hơn 8,5 tỷ đồng trước thuế, lợi nhuận sau thuế đạt 7,7 tỷ đồng.

Dưới đây là một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động của NSI trong 3 năm vừa qua:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tăng trưởng (%)
Vốn điều lệ	50.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000	0
Vốn chủ sở hữu	17.245.277.950	142.066.255.135	149.785.401.696	5,43
Tổng tài sản	27.525.582.722	202.465.848.459	202.283.953.338	-0,09
Doanh thu	10.306.111.467	20.692.137.581	23.797.870.536	15,00
LN trước thuế	1.168.432.760	4.820.977.185	8.562.335.342	77,61

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012, 2013, 2014)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tình hình thực hiện kết quả kinh doanh:

Kết thúc năm 2014, doanh thu đạt 23,80 tỷ đồng (tương đương 94,06 % kế hoạch), tổng chi phí là 15,24 tỷ (tương đương 62,80% kế hoạch), lợi nhuận đạt 8,56 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện các mục tiêu khác:

- Hoạt động môi giới: Trong năm 2014 hoạt động môi giới đã thực hiện tốt và đạt 115,25% kế hoạch đạt ra đồng thời chất lượng chuyên viên môi giới đã nâng cao đáng kể. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng và đưa vào áp dụng cơ chế lương kinh doanh theo doanh thu phù hợp hơn, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ bước đầu tạo được một số chuyển biến trong hoạt động môi giới của NSI;
- Dịch vụ tài chính: Công ty đã kết hợp với Ngân hàng để triển khai dịch vụ tài chính hỗ trợ cho khách hàng Hoạt động Tư vấn Tài chính: Cả năm 2014 Công ty đã thực hiện được một số hợp đồng tư vấn đem lại doanh thu 420 triệu đồng, đây cũng là một bước tiến đáng kể, tạo tiền đề phát triển cho hoạt động tư vấn năm 2015.
- Công tác tổ chức nhân sự: Công ty đã rà soát nhân sự hiện có, xây dựng hệ thống chức danh, hệ thống bảng mô tả công việc, xây dựng các tiêu chuẩn nhân sự cho từng vị trí công việc, sàng lọc đội ngũ nhân sự theo hướng tinh, gọn, phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

2. Tổ chức nhân sự:

2.1 Danh sách Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Trình độ	Tỉ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Tóm tắt quá trình công tác		
					Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức danh công việc	
Ban Tổng Giám đốc							
1	Vũ Như Thăng Long Năm sinh: 1977 Giới tính: Nam CMND số: 011798307 Ngày cấp: 22/6/2004 Nơi cấp: CA Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sỹ quản lý kinh tế	0%	7/2012	Phó Tổng Giám đốc Công ty	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					8/2011 - 7/2012	Trưởng phòng Môi giới 2	Công ty CP Chứng khoán Đại Dương
					4/2010 - 7/2011	Phó Trưởng phòng GD; Trưởng phòng DVKH&LK	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
					12/2000 - 3/2010	Phó Trưởng phòng GD/Trưởng phòng Giao dịch số 1	Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt
Cán bộ quản lý khác							
2	Phạm Thị Chiến Sinh năm: 1984 Giới tính: Nữ CMND số: 162488774 Ngày cấp: 10/3/2008 Nơi cấp: CA Nam Định	Kế toán trưởng	Thạc sỹ Kinh tế	0%	1/2011 - nay	Kế toán trưởng	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					4/2009 - 12/2010	Chuyên viên kế toán tổng hợp	Công ty CP Chứng khoán Đại Nam
					01/2007 - 3/2009	Nhân viên kế toán tổng hợp	Công ty TNHH xuất nhập khẩu AMC
					7/2006 - 12/2006	Nhân viên kế toán bán hàng	Công ty TNHH xuất nhập khẩu AMC

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

19/11/2014

Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà Bùi Thị Việt Hà

10/6/2014

Bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Huy giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh

18/12/2014

Miễn nhiệm ông Nguyễn Quang Huy giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên trong toàn Công ty.

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2014 tổng số cán bộ nhân viên toàn Công ty là 31 người, bao gồm:

Hội sở chính:

- Ban Tổng Giám đốc: 1 người
- Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng: 6 người
- Phòng Tư vấn: 3 người

Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh:

- Ban Giám đốc Chi nhánh: 1 người
- Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng: 5 người
- Phòng Tư vấn: 2 người

Phòng/ban hỗ trợ khác:

(Bao gồm cả Hội sở và Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh): 13 người

2.4 Chính sách đối với người lao động:

Chính sách lương:

Công ty luôn đảm bảo mặt bằng lương cạnh tranh trên thị trường và so với các công ty cùng ngành hiện nay nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động.

Chính sách khen thưởng, phúc lợi:

Được gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động. Các chế độ khen thưởng cụ thể trong năm 2014 như sau:

- + Thưởng tháng lương thứ 13.
- + Thưởng nhân dịp các ngày lễ tết.
- + Chế độ nhân dịp các ngày sinh nhật, hiếu hỉ....

Chế độ bảo hiểm:

Các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của Nhà Nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Tính đến thời điểm 31/12/2014 Công ty không có khoản đầu tư lớn nào.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Tính đến thời điểm 31/12/2014 Công ty không liên kết và chưa mở công ty con.

4. Tình hình tài chính:

4.1 Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% +/-
Tổng giá trị tài sản	202.465.848.459	202.283.953.338	-0,09
Doanh thu thuần	20.692.137.581	23.797.870.536	15,00
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.820.977.185	8.562.335.342	77,61
Lợi nhuận khác	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	4.820.977.185	8.562.335.342	77,61

Lợi nhuận sau thuế	4.820.977.185	7.719.146.561	60,12
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	395	454	14,94

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2013,2014)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính: Làn		
	Năm 2013	Năm 2014	% tăng, giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,275	3,775	15,27
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	3,275	3,775	15,27
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,30	0,26	(3,33)
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,43	0,35	(18,60)
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	0	0	0
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,10	0,12	20,00
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,23	0,32	39,13
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,05	66,67
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,04	100
	0,23	0,36	56,52

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013,2014)

4.3 Phân tích các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Nợ ngắn hạn năm 2014 của Công ty giảm so với 2013 đồng thời vốn lưu động của Công ty cũng gia tăng nên hệ số thanh toán ngắn hạn trong năm 2014 tăng, bên cạnh đó hệ số thanh toán nhanh và thanh toán nợ ngắn hạn đều lớn hơn 1 điều này cho thấy khả năng thanh toán của công ty nằm ở mức khá cao, công ty

luôn đáp ứng thanh toán được khoản vay ngắn hạn. Đặc biệt khoản tiền và tương đương tiền của công ty lớn gấp lần 4 lần so với nợ ngắn hạn chứng tỏ khả năng thanh toán của công ty rất tốt.

- Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hoạt động kinh doanh của công ty được tài trợ chủ yếu bằng vốn chủ sở hữu thông qua việc chỉ số nợ/ tổng tài sản, Điều này cho thấy sự chủ động về tài chính của NSI.
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Chỉ tiêu doanh thu thuần/tổng tài sản năm 2014 tăng 20% so với năm 2013 là do doanh thu năm 2014 tăng so với năm 2013 trong khi đó tổng tài sản 2014 lại giảm nhẹ so với năm 2013. Điều này chứng tỏ công ty đang hoạt động ngày một tốt lên.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: Chỉ tiêu ROA, ROE năm 2014 đều tăng so với năm 2013 là do trong năm 2014 công ty đã đạt được lợi nhuận trước thuế và sau thuế cao, song song với việc tăng doanh thu trong năm 2014 công ty còn giảm chi phí so với 2013. Có thể thấy khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu và khả năng sinh lời của tổng tài sản ngày một tốt lên.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 17.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 17.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông (tính tại ngày 31.12.2014):

STT	Họ và tên	Số giấy CMND	Ngày cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL	Đối tượng
1	Trần Việt Anh	013014219	16/10/2007	13.500.000	90%	Cổ đông lớn
2	Nguyễn Thị Thu Hương	145003300	10/03/2011	850.000	5%	Cổ đông lớn
3	Nguyễn Đình Thọ	012343162	16/05/2007	850.000	5%	Cổ đông lớn

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

STT	Họ và tên	Số giấy CMND	Ngày cấp	Số lượng cổ phần đầu năm	Tỷ lệ nắm giữ so với VĐL đầu năm	Số lượng cổ phần cuối năm	Tỷ lệ nắm giữ so với VĐL cuối năm	Lý do
1	Trần Việt Anh	013014219	16/10/2007	13.500.000	90%	13.500.000	90%	
2	Nguyễn Thị Thu Hương	145003300	10/03/2011	850.000	5%	850.000	5%	
3	Nguyễn Đình Thọ	012343162	16/05/2007	850.000	5%	850.000	5%	
	Tổng cộng			17.000.000	100%	17.000.000	100%	

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

5.5 Các chứng khoán khác: không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2014
I	Doanh thu	23.798
1	Môi giới	5.969
2	Đầu tư	0
3	Doanh thu khác (tư vấn, lưu ký, ...)	17.829
II	Chi phí	15.235
1	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	6.562
2	Chi phí quản lý	8.673
III	Lợi nhuận khác	0
IV	Lãi/Lỗ	8.563

1.1 Những công việc đã hoàn thành:

- Ổn định tổ chức hoạt động của Công ty về mặt nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy hoạt động của công ty
- Chủ động rà soát lại các quy chế, quy định liên quan đến toàn bộ hoạt động của các phòng chuyên môn, đồng thời giao nhiệm vụ để các Phòng ban, đơn vị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty như: các quy trình nghiệp vụ, quy trình hợp tác kinh doanh, nội quy lao động.
- Một số hoạt động nghiệp vụ:
 - + Đối với nghiệp vụ môi giới:
 - Tiếp tục tìm kiếm và phát triển khách hàng mới.
 - Đã nghiên cứu và triển khai thành công một số sản phẩm dịch vụ mới để nhằm thu hút khách hàng và tăng giá trị giao dịch cho Công ty.
 - + Đối với nghiệp vụ tư vấn:
 - Ký kết một số hợp đồng tư vấn cho Tổng Công ty đường sắt Việt Nam, Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh, Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành, Công ty CP Hoàng Hà....

1.2 Những hạn chế:

- Công ty chưa có đầy đủ các nghiệp vụ của công ty chứng khoán nên chưa thể triển khai các nghiệp vụ theo quy định của UBCK, điều này ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Tình hình tài chính:

2.1 Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	01/01/2014	31/12/2014
I Tài sản ngắn hạn	197.879.933.891	198.176.017.721

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	121.896.931.347	194.206.128.632
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	15.136.088	20.536.738
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	75.886.113.469	3.508.387.694
4. Hàng tồn kho	0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	81.752.987	440.964.657
II Tài sản dài hạn	4.585.914.568	4.107.935.617
1. Tài sản cố định	2.053.881.852	1.636.856.433
2. Tài sản dài hạn khác	2.532.032.716	2.471.079.184
Tổng cộng tài sản	202.465.848.459	202.283.953.338

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014)

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nợ phải trả	01/01/2014	31/12/2014
I	Nợ ngắn hạn	60.399.593.324	52.498.551.642
1	Người mua trả tiền trước	143.000.000	50.000.000
2	Thuế và các khoản phải nộp NN	265.228.994	1.576.788.702
3	Phải trả người lao động	413.562.452	843.373.615
4	Chi phí phải trả	1.365.833.333	97.000.000
5	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	53.611.215.655	49.394.086.550
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	4.557.628.657	183.917.727
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	179.577	179.577
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	42.944.656	353.205.471
II	Nợ dài hạn		
1	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ổn định tổ chức hoạt động của Công ty về mặt nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty.
- Chủ động rà soát lại các quy chế, quy định liên quan đến toàn bộ hoạt động của các phòng chuyên môn, đồng thời giao nhiệm vụ để các Phòng ban, đơn vị sửa đổi, bổ sung cho phù

hợp với tình hình hoạt động của Công ty như: các quy trình nghiệp vụ, quy trình hợp tác kinh doanh, nội quy lao động....

4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

4.1 **Một số dự báo tình hình năm 2015.**

Kinh tế thế giới:

“ Các yếu tố nền tảng tích cực đã xuất hiện để tạo đà cho kinh tế toàn cầu khởi sắc trong năm 2015” IHS dự báo kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng 3% trong năm 2015.

- Với nhu cầu thị trường nội địa tăng mạnh đặc biệt là nhu cầu tiêu dùng, nền kinh tế Mỹ sẽ tiếp tục tăng trưởng và theo HIS dự báo, năm 2015 kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng 2.5% - 3%.
- Hầu hết các nền kinh tế mới nổi sẽ đạt được mức tăng trưởng khả quan hơn trong năm 2015 nhờ giá dầu giảm, thanh khoản toàn cầu tăng và sự tăng tốc của nền kinh tế Mỹ và Châu Âu. Các nền kinh tế mới nổi ở Châu Âu, Mỹ Latin, Trung Đông, Bắc Phi, khu vực tiểu sa mạc Sahara sẽ có mức tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong nhóm này.
- Liên Hợp Quốc công bố báo cáo “ Kinh tế thế giới vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro” đồng thời khuyến nghị, để giảm thiểu rủi ro, đối phó với thách thức nhằm duy trì sự ổn định kinh tế và tài chính trong thời gian dài, các nước cần phải tăng cường phối hợp chính sách quốc tế.

Kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán:

Tình hình kinh tế trong nước năm 2015 được sẽ có những yếu tố thuận lợi, đó là:

Thứ nhất, Chính phủ tiếp tục tích cực triển khai các biện pháp để tái cấu trúc nền kinh tế khi các đề án về tái cấu trúc doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), hệ thống ngân hàng và TTCK đã được ban hành. Đồng thời, Chính phủ cũng tiếp tục thực hiện các chính sách để ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng năm 2015.

Thứ hai, Chính phủ đã và đang chỉ đạo triển khai các giải pháp tích cực nhằm tháo gỡ khó khăn cho DN, xử lý các vấn đề về nợ xấu trong hệ thống ngân hàng, thị trường bất động sản, tăng trưởng tín dụng và mặt bằng lãi suất.

Thứ ba, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và hỗ trợ thị trường thông qua các giải pháp về thuế, phí, hỗ trợ tài chính, chi tiêu ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản. Đặc biệt, các giải pháp tái cấu trúc DNNN sẽ tạo ra những tác động tích cực cho cộng đồng DN cả nền kinh tế.

Thứ tư, Ngân hàng Nhà nước cũng đưa ra nhiều giải pháp trong đó mặt bằng lãi suất đã giảm đáng kể bên cạnh đó là triển khai các chương trình tín dụng hỗ trợ lãi suất..

Thứ năm, khung pháp lý cho thị trường và cho công tác tái cấu trúc thị trường, đặc biệt là tái cấu trúc cho các công ty chứng khoán về cơ bản được hoàn thiện nên đây cũng là tiền đề rất quan trọng để thúc đẩy TTCK trong thời gian tới.

Bên cạnh những thuận lợi là những khó khăn sau:

Thứ Nhất, chính sách kinh tế phải thực hiện đồng thời mục tiêu duy trì ổn định kinh tế vĩ mô.

Thứ Hai, sức cầu trong nước còn yếu, khả năng cạnh tranh, hiệu quả của nền kinh tế còn thấp.

Thứ Ba, việc xử lý nợ xấu ngân hàng và tái cấu trúc DNNN là vấn đề lớn và không thể xử lý ngay trong ngày một ngày hai.

Thứ Tư, ngân sách Nhà nước sẽ còn có nhiều khó khăn, yêu cầu chi cho mục tiêu ổn định

kinh tế vĩ mô tăng nhưng nguồn thu có nhiều khó khăn.

4.2 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh:

Trên cơ sở dự báo thị trường, quan điểm của ban điều hành tiếp tục đề xuất thận trọng và từng bước tìm cơ hội thị trường để tận dụng do đó Ban Tổng giám đốc đã xây dựng kế hoạch kinh doanh trên lượng vốn khả dụng hiện có của Công ty như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015
I	Doanh thu	20.692	23.797	28.358
1	Môi giới	2.847	5.969	6.865
2	Đầu tư	0	0	0
3	Doanh thu khác (nguồn, tư vấn, ...)	17.845	17.828	21.493
II	Chi phí	15.871	15.235	17.521
1	Chi phí hoạt động KDCK	7.676	6.562	8.397
2	Chi phí quản lý	8.195	8.763	9.124
III	Lợi nhuận khác	0	0	
IV	Lãi/Lỗ	4.821	8.562	10.837

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2014 được kiểm toán không có ý kiến loại trừ và ý kiến chấp nhận từng phần.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, lãnh đạo và cán bộ nhân viên của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia đã không ngừng cố gắng để đạt được kết quả với mức lợi nhuận hơn 8,5 tỷ đồng. Kết quả này phần nào phản ánh sự lãnh đạo đúng đắn của Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2015, Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1 Công tác định hướng hoạt động:

Năm 2015 Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng hoạt động, hỗ trợ sát sao hoạt động của Ban điều hành nhằm đạt được mục tiêu an toàn và hiệu quả, cụ thể:

- Định hướng hoạt động đầu tư an toàn, tập trung hoạt động cốt lõi.
- Định hướng hoạt động dịch vụ, nâng cao chất lượng các dịch vụ
- Định hướng củng cố mô hình tổ chức, tăng cường đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao.
- Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng quản lý điều hành nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh 2015

3.2 Công tác phát triển:

- Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành phấn đấu đạt mức độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận như kế hoạch 2015 đã đề ra
- Mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh và nâng cao hoạt động kinh doanh

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu CP	Hình thức	Chức danh nắm giữ tại công ty khác
1	Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT	0	0	Thành viên Điều hành	
2	Ông Trần Việt Anh	Ủy viên HĐQT	13.500.000	90%	Thành viên không trực tiếp điều hành	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành Thành viên HĐQT - Công ty CP Bảo hiểm Hưng Vương Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghiệp - Thương mại Cù Chi Thành viên HĐQT Công ty CP Công viên nước Đầm Sen Thành viên HĐQT Công ty CP dịch vụ và xây dựng địa ốc Đất Xanh Phó Giám đốc khối SG & QLRR Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Á Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác Tài sản VAB
3	Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên HĐQT	0	0	Thành viên độc lập	

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3 Hoạt động của hội đồng quản trị

Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị luôn bám sát hoạt động thực tế của Công ty để đưa ra các chủ trương, quyết sách nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị luôn theo sát Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị, của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

Năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 04 cuộc họp

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT	4/7	57%	Bỏ nhiệm từ ngày 05/9/2014.
2	Ông Trần Việt Anh	Ủy viên HĐQT	7/7	100%	
3	Ông Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên HĐQT	7/7	100%	

Nội dung và Quyết định/Nghị quyết các cuộc họp Hội đồng Quản trị, như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số: 09/2014/NQ-DHCD	15/5/2014	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 và kế hoạch kinh doanh năm 2014.- Thông qua báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013.- Thông qua quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị năm 2013 và kế hoạch trả thù lao Hội đồng Quản trị năm 2014.- Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2013 và kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2014.- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.- Thông qua việc bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán cho Công ty- Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017 đối với ông Nguyễn Quang Vinh và bầu bổ sung (01) thành viên Hội đồng Quản trị.- Thông qua kết quả bầu cử bà Bùi Thị Việt Hà trúng cử vào Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017- Thông qua việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành Công ty.

2	Số: 11/2014/HĐQT-NQ	15/5/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bầu bà Bùi Thị Việt Hà, thành viên Hội đồng Quản trị, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017. - Thông qua việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3	Số 13/2014/HĐQT-NQ	15/5/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua mức chi trả thù lao đối với Bà Bùi Thị Việt Hà – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty trong thời gian kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc kể từ ngày 15/5/2014
4	Số: 43/2014/NQ-ĐHCD	05/9/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc miễn nhiệm vị trí thành viên Hội đồng Quản trị và thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017 đối với Bà Bùi Thị Việt Hà. - Thông qua kết quả bầu cử ông Nguyễn Hải Dương trúng cử vào Hội đồng Quản trị công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017.
5	Số: 45/2014/HĐQT-NQ	05/9/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bầu ông Nguyễn Hải Dương, thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017. - Thông qua việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
6	Số 47/2014/HĐQT-NQ	05/9/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua mức chi trả thù lao đối với ông Nguyễn Hải Dương – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.
7	Số 78/2014/HĐQT-NQ	19/11/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty đối với bà Bùi Thị Việt Hà kể từ ngày 19/11/2014.

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Ông Trần Việt Anh – Thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách công tác quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia kể từ ngày 02/12/2013 theo Quyết định số 55/2013/HĐQT-QĐ ngày 02/12/2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ông Nguyễn Đình Thọ - Thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành công việc tại Công ty. Tuy vậy, với việc duy trì chế độ báo cáo thường kỳ bằng hình thức văn bản, bằng dữ liệu điện tử các thành viên Hội đồng Quản trị đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành, chỉ đạo kịp thời với Ban Lãnh đạo Công ty.

1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.6 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Nguyễn Hải Dương – Thạc sỹ Quản trị chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính

1.7 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Vị trí	Tỉ lệ sở hữu cổ phần của Công ty
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	5%

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của NSI cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và một số buổi họp của Ban lãnh đạo NSI về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm.
- Thường xuyên kiểm soát hoạt động sử dụng vốn của NSI, theo dõi luân chuyển vốn tài sản của NSI.
- Kiểm soát các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và báo cáo năm, nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty.
- Các công việc khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, quy định của Điều lệ Công ty.

Trong năm 2014, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, đồng thời nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của mình.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát luôn có sự trao đổi thông tin trong các vấn đề liên quan đến định hướng của NSI, bám sát nhiệm vụ được giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/người/năm)
I. Thù lao Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch HĐQT(Bổ nhiệm 05/09/2014)	56.363.636
2	Nguyễn Quang Vinh	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 15/05/2014)	185.000.000
3	Bùi Thị Việt Hà	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/05/2014 miễn nhiệm ngày 05/09/2014)	73.636.364
4	Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên HĐQT	12.000.000
5	Trần Việt Anh	Ủy viên HĐQT	12.000.000
II. Thù lao Ban kiểm soát			
1	Nguyễn Thị Hương	Thu Thành viên	0

STT	Tên	Chức vụ	Lương (đồng/người/năm)
Tiền lương của Ban Giám đốc			
1	Bùi Thị Việt Hà	Tổng Giám đốc	365.665.333
2	Vũ Nhữ Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc	324.369.373
3	Nguyễn Lâm Tùng	Giám đốc chi nhánh	261.333.333
4	Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc chi nhánh (Bổ nhiệm ngày 10/06/2014 miễn nhiệm ngày 18/12/2014)	73.785.714

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4 *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Trong năm 2014 Công ty không có nội dung nào chưa thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán



CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Trụ sở chính TP. Hà Nội

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,

Số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

T: +84 (4) 3 783 2121

F: +84 (4) 3 783 2122

E: info@cpvietnam.vn

W www.cpvietnam.vn

Số: 279/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015 từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn Chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trương Văn Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

Vũ Thị Hồng Quỳnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1969-2013-075-1

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		198.176.017.721	197.879.933.891
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	194.206.128.632	121.896.931.347
1. Tiền	111		194.206.128.632	121.896.931.347
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	20.536.738	15.136.088
1. Đầu tư ngắn hạn	121		32.617.684	32.617.684
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12.080.946)	(17.481.596)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.508.387.694	75.886.113.469
1. Phải thu khách hàng	131		-	16.500.000
2. Trả trước cho người bán	132		33.000.000	55.550.000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	5.3	2.983.394.707	70.795.687.201
5. Phải thu khác	138	5.4	491.992.987	5.018.376.268
IV- Hàng tồn kho	140		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		440.964.657	81.752.987
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	473.399	14.105.528
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	27.747.459
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	440.491.258	39.900.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		4.107.935.617	4.585.914.568
II- Tài sản cố định	220		1.636.856.433	2.053.881.852
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	166.936.104	349.730.439
- Nguyên giá	222		1.128.670.106	1.233.167.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(961.734.002)	(883.436.577)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.469.920.329	1.704.151.413
- Nguyên giá	228		4.680.008.794	4.550.008.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.210.088.465)	(2.845.857.381)
V- Tài sản dài hạn khác	260		2.471.079.184	2.532.032.716
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	161.831.815	212.548.459
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	5.10	2.181.747.019	2.049.147.707
4. Tài sản dài hạn khác	268		127.500.350	270.336.550
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		202.283.953.338	202.465.848.459

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		52.498.551.642	60.399.593.324
I- Nợ ngắn hạn	310		52.498.551.642	60.399.593.324
3. Người mua trả tiền trước	313		50.000.000	143.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.576.788.702	265.228.994
5. Phải trả người lao động	315		843.373.615	413.562.452
6. Chi phí phải trả	316	5.12	97.000.000	1.365.833.333
8. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	318	5.13	49.394.086.550	53.611.215.655
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	5.14	183.917.727	4.557.628.657
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		179.577	179.577
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		353.205.471	42.944.656
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		149.785.401.696	142.066.255.135
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	149.785.401.696	142.066.255.135
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		219.857.812	219.857.812
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		528.621.659	528.621.659
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(20.963.077.775)	(28.682.224.336)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		202.283.953.338	202.465.848.459

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	TM	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
6. Chứng khoán lưu ký - Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		178.523.541.800	110.999.099.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu	01	5.16	23.797.870.536	20.692.137.581
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán			5.969.366.664	2.846.866.688
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn			1.027.647	987.800
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		419.090.909	525.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		672.369.772	484.931.635
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		16.736.015.544	16.834.351.458
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		23.797.870.536	20.692.137.581
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	5.17	6.562.118.844	7.675.972.817
Lợi nhuận gộp của hoạt động kd	20		17.235.751.692	13.016.164.764
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	8.673.416.350	8.195.187.579
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kd	30		8.562.335.342	4.820.977.185
8. Thu nhập khác	31		-	-
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.562.335.342	4.820.977.185
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	843.188.781	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.719.146.561	4.820.977.185
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	454	395

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.562.335.342	4.820.977.185
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	595.425.419	642.408.376
- Các khoản dự phòng	03	(5.400.650)	(3.611.949)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(753.804.225)	-
- Chi phí lãi vay	06	86.222.223	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.484.778.109	5.459.773.612
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	71.872.282.664	(64.474.472.190)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	8.588.502
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(8.601.394.263)	55.343.397.785
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	64.348.773	(48.957.931)
- Tiền lãi đã trả	13	(86.222.223)	(3.912.331.767)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(1.610.628.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	71.733.793.060	(9.234.630.680)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(178.400.000)	(59.283.840)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	753.804.225	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	575.404.225	(59.283.840)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	120.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	50.000.000.000	5.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(50.000.000.000)	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	120.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	72.309.197.285	110.706.085.480
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	121.896.931.347	11.190.845.867
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	194.206.128.632	121.896.931.347

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 05-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	01/01/2013	01/01/2014	Kỳ trước		Kỳ này		31/12/2013	31/12/2014
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	170.000.000.000	120.000.000.000	-	-	-	170.000.000.000	170.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	219.857.812	219.857.812	-	-	-	-	219.857.812	219.857.812
8. Quỹ dự phòng tài chính	528.621.659	528.621.659	-	-	-	-	528.621.659	528.621.659
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(33.503.201.521)	(28.682.224.336)	4.820.977.185	-	7.719.146.561	-	(28.682.224.336)	(20.963.077.775)
Tổng	17.245.277.950	142.066.255.135	124.820.977.185	-	7.719.146.561	-	142.066.255.135	149.785.401.696

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-CTCK

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 ngày 11/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP n ngày 05/03/2009, Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009 và các giấy phép điều chỉnh: Giấy phép điều chỉnh số 89/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2012; Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2014; Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 18/09/2014.

Quyết định số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/07/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 29/GPĐC-UBCK ngày 17/06/2013 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với số vốn điều lệ là 170.000.000.000 đồng. Ngày 23/09/2014 Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: National Securities Joint Stock Company, tên viết tắt là: NSI., JSC.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Ông Trần Việt Anh	1 5.300.000	153.000.000.000	90,0%
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	850.000	8.500.000.000	5,0%
Ông Nguyễn Đình Thọ	850.000	8.500.000.000	5,0%
Tổng	17.000.000	170.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 34B, Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Số lao động bình quân: 27 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán./

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014 là môi giới chứng khoán và các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho Công ty Chứng khoán.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị trường hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chứng khoán đầu tư được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị
Thiết bị, dụng cụ quản lý

Năm 2014
Số năm
03 - 07
03 - 05

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 08 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn khác.

Công cụ dụng cụ được phân ánh theo chi phí ban đầu và thực hiện phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02-03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 03 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoạt động mua và bán chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Doanh thu hoạt động góp vốn, ủy thác đầu tư được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	100.192.345	79.179.464
Tiền gửi ngân hàng	182.055.642.396	118.467.644.936
- Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	49.372.405.713	28.117.999.169
Tiền đang chuyển	-	360.000.000
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	12.050.293.891	2.990.106.947
Tổng	194.206.128.632	121.896.931.347

Khối lượng, giá trị giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	CP	VND
a) Cửa công ty chứng khoán		
b) Cửa nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	335.983.228	4.116.196.983.500
Tổng cộng	335.983.228	4.116.196.983.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư ngắn hạn

MẪU B 09-CTCK

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng		Giảm		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
BHS	6	6	75.660	75.660	-	-	7.260	-	68.400	74.400
BMC	3	3	288.800	288.800	-	-	211.100	-	77.700	120.900
CIC	90	90	2.398.500	2.398.500	-	-	-	-	-	-
CTN	11	11	143.040	143.040	-	-	80.340	-	62.700	67.100
DHA	9	9	299.700	299.700	-	-	176.400	-	123.300	80.100
DHI	38	38	1.795.500	1.795.500	-	-	-	-	-	-
DRC	2	2	8.850	8.850	102.150	-	-	-	111.000	78.000
EBS	20	20	174.671	174.671	-	-	651	-	174.020	166.600
GMC	6	6	134.344	134.344	75.656	-	-	-	210.000	184.200
GTA	8	8	118.560	118.560	11.040	-	-	-	129.600	88.800
HAI	16	8	108.622	108.622	115.378	-	-	-	224.000	180.000
HAS	6	6	34.450	34.450	-	-	850	-	33.600	31.200
HAX	3	3	83.077	83.077	-	-	55.177	-	27.900	12.600
HBC	16	15	171.690	171.690	58.710	-	-	-	230.400	219.000
HNM	60	60	915.840	915.840	-	-	141.840	-	774.000	480.000
HPC	135	135	1.911.985	1.911.985	-	-	1.290.985	-	621.000	486.000
ITA	7	7	150.800	150.800	-	-	96.900	-	53.900	46.200
KDC	1	1	130.150	130.150	-	-	80.950	-	49.200	51.000
KHA	2	2	34.200	34.200	15.000	-	-	-	49.200	30.200
KHP	4	4	72.020	72.020	-	-	17.620	-	54.400	48.800
KLS	62	62	773.959	773.959	-	-	135.359	-	638.600	539.400
LAF	3	3	103.200	103.200	-	-	68.100	-	35.100	24.300
MHC	8	8	251.500	251.500	-	-	125.100	-	126.400	32.000
PET	1	1	77.050	77.050	-	-	57.350	-	19.700	20.800
POT	9	9	176.594	176.594	-	-	47.894	-	128.700	65.565
PPC	7	7	322.148	322.148	-	-	137.348	-	184.800	175.700
PPG	90	90	-	-	333.000	-	-	-	333.000	225.000
PVT	2	2	56.833	56.833	-	-	30.233	-	26.600	23.400
RAL	2	2	112.600	112.600	-	-	23.600	-	89.000	116.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư ngắn hạn (Tiếp theo)

MÀU B 09-CTCK

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán				Tăng		So với giá trị trường		Giảm		Tổng giá trị theo giá trị trường	
			31/12/2014		01/01/2014		31/12/2014		01/01/2014		31/12/2014		01/01/2014	
	CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
REE	5	5	196.500	196.500	196.500	-	196.500	59.000	-	-	-	137.500	148.000	
RIC	6	6	103.264	103.264	103.264	-	103.264	-	-	-	-	104.400	38.400	
S55	96	96	1.926.144	1.926.144	1.926.144	-	5.445.312	-	-	-	-	7.371.456	3.459.168	
S99	76	76	595.371	595.371	595.371	-	240.629	-	-	-	-	836.000	456.000	
SAM	6	6	93.472	93.472	93.472	-	-	17.272	-	-	-	76.200	50.400	
SAP	45	45	806.431	806.431	806.431	-	-	131.431	-	-	-	675.000	720.000	
SD5	173	79	2.468.892	2.468.892	2.468.892	-	-	392.892	-	-	-	2.076.000	2.417.400	
SD7	41	41	2.214.000	2.214.000	2.214.000	-	-	1.742.500	-	-	-	471.500	471.500	
SD9	68	68	983.552	983.552	983.552	-	-	31.552	-	-	-	952.000	856.800	
SIC	72	72	1.518.264	1.518.264	1.518.264	-	-	1.035.864	-	-	-	482.400	446.400	
SJE	80	80	3.563.500	3.563.500	3.563.500	-	-	2.227.500	-	-	-	1.336.000	1.280.000	
STB	7	7	176.748	176.748	176.748	-	-	50.748	-	-	-	126.000	120.400	
STC	60	60	1.092.000	1.092.000	1.092.000	-	-	24.000	-	-	-	1.068.000	927.000	
TCR	6	6	68.094	68.094	68.094	-	-	31.494	-	-	-	36.600	23.400	
TMC	12	12	232.380	232.380	232.380	-	-	94.380	-	-	-	138.000	118.800	
TPH	12	12	-	-	-	-	86.400	-	-	-	-	86.400	79.200	
UNI	7	7	105.448	105.448	105.448	-	-	51.548	-	-	-	53.900	49.000	
VC2	77	77	1.751.040	1.751.040	1.751.040	-	-	603.740	-	-	-	1.147.300	785.400	
VCB	6	6	585.068	585.068	585.068	-	-	393.068	-	-	-	192.000	160.800	
VCS	70	70	-	-	-	-	1.890.000	-	-	-	-	1.890.000	924.000	
VIC	4	3	122.273	122.273	122.273	-	67.727	-	-	-	-	190.000	210.000	
VIP	1	1	19.588	19.588	19.588	-	-	7.188	-	-	-	12.400	10.800	
VSP	62	62	2.153.742	2.153.742	2.153.742	-	-	2.042.142	-	-	-	111.600	99.200	
VTS	62	62	917.570	917.570	917.570	-	-	359.570	-	-	-	558.000	706.800	
Tổng	1.681	1.577	32.617.684	32.617.684	32.617.684	-	8.740.766	12.080.946	-	24.784.876	18.226.133			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	2.939.749.271	7.422.811.633
Nguyễn Thị Thanh Huyền	7.449.500	-
Nguyễn Thu Hoài	90.800.000	-
Huyền Thu Linh	20.700.000	-
Nguyễn Thị Minh Nguyệt	-	606.730.424
Ninh Thị Minh Khuê	57.344.472	-
Võ Thành Hưng	2.348.556.095	-
Đỗ Hữu Hào	41.420.172	-
Nguyễn Thị Bích Liên	-	1.451.799.727
Nguyễn Quang Trường	-	1.032.015.565
Trần Lan Phương	-	669.168.958
Nguyễn Anh Tuấn	-	569.902.151
Đoàn Thị Thu Phương	-	424.587.973
Phạm Thị Hồng Nhung	-	922.795.207
Lê Đình Hạnh	-	204.823.725
Nguyễn Thị Minh Tâm	-	461.417.729
Lê Thị Hạnh	-	564.265.360
Khác	373.479.032	515.304.814
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán Công ty TNHH Kinh Doanh Tổng hợp	-	62.645.713.421
Huy Hùng	-	448.696.401
Trần Quang Cảnh	-	26.471.218.009
Nguyễn Lan Hương	-	151.686.848
Ninh Thị Minh Khuê	-	101.415.451
Phạm Thị Phương Hiền	-	596.324.683
Lê Đình Hạnh	-	894.550.284
Nguyễn Thị Huyền	-	6.323.678
Phạm Thị Hà	-	59.764.652
Nguyễn Trọng Bộ	-	797.480.334
Nguyễn Thị Minh Nguyệt	-	6.495.541.267
Nguyễn Hải Dương	-	4.096.637.836
Nguyễn Anh Tuấn	-	6.310.937.279
Nguyễn Thị Phương	-	2.753.844.164
Nguyễn Quang Trường	-	1.589.736.405
Võ Thị Minh Hiếu	-	1.408.606.045
Nguyễn Thị Bích Liên	-	1.256.812.835
Phạm Thị Hồng Nhung	-	1.096.153.016
Nguyễn Thị Minh Tâm	-	838.265.057
Diệp Thị Thu	-	814.531.251
Trần Quốc Toàn	-	1.084.152.901
Các đối tượng khác	-	5.373.035.025
Tiền lãi dự thu - Trần Quang Cảnh	-	674.486.635
Phải thu khách hàng về GD chứng khoán	43.645.436	52.675.512
Tổng	2.983.394.707	70.795.687.201

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

Phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền lãi dự thu Công ty Cổ phần Tập đoàn	-	5.017.500.000
Đầu tư Việt Phương	-	-
Phải thu chi nhánh	491.992.987	876.268
Phải thu khác	-	-
Tổng	491.992.987	5.018.376.268

Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	14.105.528	17.527.126
Tăng	548.789.545	649.601.510
Phân bổ vào chi phí trong năm	562.421.674	653.023.108
Tại ngày 31 tháng 12	473.399	14.105.528
Chi tiết theo nội dung	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	473.399	12.480.528
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.625.000
Tổng	473.399	14.105.528

Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	430.491.258	39.900.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	-
Tổng	440.491.258	39.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Máy móc, thiết bị	Thiết bị,	Tổng
		dụng cụ quản lý	
Số dư tại 01/01/2014	152.896.910	1.080.270.106	1.233.167.016
Tăng trong năm	-	48.400.000	48.400.000
Mua trong năm	-	48.400.000	48.400.000
Giảm trong năm	152.896.910	-	152.896.910
Thanh lý, nhượng bán	152.896.910	-	152.896.910
Số dư tại 31/12/2014	-	1.128.670.106	1.128.670.106
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2014	145.616.104	737.820.473	883.436.577
Tăng trong năm	7.280.806	223.913.529	231.194.335
Khấu hao trong năm	7.280.806	223.913.529	231.194.335
Giảm trong năm	152.896.910	-	152.896.910
Thanh lý, nhượng bán	152.896.910	-	152.896.910
Số dư tại 31/12/2014	-	961.734.002	961.734.002
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	7.280.806	342.449.633	349.730.439
Tại 31/12/2014	-	166.936.104	166.936.104

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 0 đồng (tại ngày 31/12/2013 là: 0 đồng)

Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Phần mềm máy vi tính	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	4.550.008.794	4.550.008.794
Tăng trong năm	130.000.000	130.000.000
Mua trong năm	130.000.000	130.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2014	4.680.008.794	4.680.008.794
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2014	2.845.857.381	2.845.857.381
Tăng trong năm	364.231.084	364.231.084
Khấu hao trong năm	364.231.084	364.231.084
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2014	3.210.088.465	3.210.088.465
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2014	1.704.151.413	1.704.151.413
Tại 31/12/2014	1.469.920.329	1.469.920.329

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 1 tháng 1	212.548.459	160.168.930
Tăng	212.059.547	294.371.071
Phân bổ vào chi phí trong năm	262.776.191	241.991.542
Tại ngày 31 tháng 12	161.831.815	212.548.459
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	99.455.689	132.255.312
Chi phí phần mềm Goline	16.706.941	56.803.609
Chi phí trả trước dài hạn khác	45.669.185	23.489.538
Tổng	161.831.815	212.548.459

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền nộp ban đầu	319.929.007	319.929.007
Tiền nộp bổ sung	1.504.195.620	1.504.195.620
Tiền lãi phân bổ	357.622.392	225.023.080
Tổng	2.181.747.019	2.049.147.707

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	62.945.434	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	843.188.781	-
Thuế thu nhập cá nhân	670.654.487	265.228.994
Tổng	1.576.788.702	265.228.994

Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí thuê văn phòng	75.000.000	1.330.500.000
Thù lao HĐQT	22.000.000	35.333.333
Tổng	97.000.000	1.365.833.333

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	217.148	217.148
Bảo hiểm xã hội	-	18.987.840
Bảo hiểm y tế	-	3.560.221
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.582.320
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	49.372.405.713	28.117.999.169
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.463.689	25.468.868.957
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á</i>	-	<i>25.078.730.000</i>
<i>- Nguyễn Chí Thành</i>	-	<i>297.667.000</i>
<i>- Tiền đặt cọc đấu giá</i>	-	<i>33.540.000</i>
<i>- Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>21.463.689</i>	<i>58.931.957</i>
Tổng	49.394.086.550	53.611.215.655

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả Sở GDCK - đăng ký phát hành thêm	-	4.431.980.000
Lãi phải trả cho nhà đầu tư	183.917.727	121.609.367
Phải trả khác - Phí giao dịch trả cho nhân viên kinh doanh	-	4.039.290
Tổng	183.917.727	4.557.628.657

Vốn chủ sở hữu**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	170.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	120.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	170.000.000.000	170.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
	Cổ phiếu u	Cổ phiếu u
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	5.969.366.664	2.846.866.688
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.027.647	987.800
Doanh thu hoạt động tư vấn	419.090.909	525.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	672.369.772	484.931.635
Doanh thu khác (*)	16.736.015.544	16.834.351.458
Tổng	23.797.870.536	20.692.137.581

(*): Trong đó, doanh thu khác gồm:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn (**)	926.446.745	631.005.112
Doanh thu phí nhận được từ hợp đồng hợp tác với VAB (***)	13.980.176.249	10.424.737.340
Doanh thu dịch vụ nhượng quyền nhận tiền bán	1.581.882.605	459.068.194
Lãi của hợp đồng với Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương	-	5.017.500.000
Lãi từ quỹ hỗ trợ thanh toán	132.599.312	207.133.911
Phí đóng tài khoản, lưu ký, chuyển khoản	-	2.852.106
Doanh thu khác	114.910.633	92.054.795
Tổng	16.736.015.544	16.834.351.458

(**): trong đó bao gồm lãi tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (VAB) - tài khoản 5008.0000.2833.9000 với số tiền gửi duy trì từ khoảng 80 tỷ đồng đến khoảng 120 tỷ đồng đang hưởng lãi suất là 0,5%/ năm theo Biên bản thỏa thuận ngày 04/01/2014 giữa Công ty và Ngân hàng.

(***): là khoản phí nhận được từ Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ cho vay cầm cố chứng khoán số 05012013/VAB-NSI ngày 05/01/2013 về việc Ngân hàng TMCP Việt Á đồng ý cung cấp dịch vụ cho vay cầm cố chứng khoán cho các khách hàng hiện đang mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty.

Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.286.979.779	1.421.329.470
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	50.674.522	40.096.668
Chi phí hoạt động tư vấn	81.318.150	58.821.995
Chi phí lưu ký chứng khoán	530.767.114	54.332.660
Chi phí lãi hợp tác	-	4.279.417.808
Chi phí lãi suất trả cho nhà đầu tư	1.480.135.963	985.950.202
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	1.132.243.316	836.024.014
Tổng	6.562.118.844	7.675.972.817

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.401.453.277	3.800.835.408
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	202.894.708	200.752.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định	595.425.419	730.914.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.253.281.880	2.939.071.833
Chi phí khác bằng tiền	1.220.361.066	523.613.449
Tổng	8.673.416.350	8.195.187.579

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.562.335.342	4.820.977.185
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	4.729.659.067	-
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>4.729.659.067</i>	<i>4.820.977.185</i>
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.832.676.275	4.820.977.185
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	843.188.781	-

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	7.719.146.561	4.820.977.185
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.719.146.561	4.820.977.185
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.000.000	12.216.438
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	454	395

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

6. THÔNG TIN KHÁC**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Ban Giám đốc		Lương, thưởng	1.788.472.984	1.154.730.667
Hội đồng Quản trị		Thù lao	534.722.215	382.222.215

Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2014</u> <u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.206.128.632	121.896.931.347
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.475.387.694	75.830.563.469
Đầu tư ngắn hạn khác	20.536.738	15.136.088
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	197.702.053.064	197.742.630.904
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	49.578.004.277	58.168.844.312
Chi phí phải trả	97.000.000	1.365.833.333
Tổng cộng	49.675.004.277	59.534.677.645

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-CTCK

Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Khoản mục	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm - 5 năm VND	Tổng VND
CÔNG NỢ TÀI CHÍNH			
31/12/2014			
Phải trả người bán			
và phải trả khác	49.578.004.277	-	49.578.004.277
Chi phí phải trả	97.000.000	-	97.000.000
Tổng	49.675.004.277	-	49.675.004.277
01/01/2014			
Phải trả người bán			
và phải trả khác	58.168.844.312	-	58.168.844.312
Chi phí phải trả	1.365.833.333	-	1.365.833.333
Tổng	59.534.677.645	-	59.534.677.645

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Khoản mục	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm - 5 năm VND	Tổng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.206.128.632	-	194.206.128.632
Đầu tư ngắn hạn khác	20.536.738	-	20.536.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.475.387.694	-	3.475.387.694
Cộng	197.702.053.064	-	197.702.053.064
01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.896.931.347	-	121.896.931.347
Đầu tư ngắn hạn	15.136.088	-	15.136.088
Phải thu khách hàng và phải thu khác	75.830.563.469	-	75.830.563.469
Cộng	197.742.630.904	-	197.742.630.904

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Hải Dương